ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3379 /QĐ-UBND	*Thanh Hoá, ngày 22 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá của Hợp tác xã Công nghiệp Đông Đình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 117/GP-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1163/TTr-STNMT ngày 14/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá của Hợp tác xã Công nghiệp Đông Đình, gồm những nội dung chính như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Hợp tác xã Công nghiệp Đông Đình.

- Địa chỉ: Thôn Đô Mỹ, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Mã số thuế: 2800996062.

2. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

- $G_1 = G_{tn} \times K_{qđ}$ = 77.000 đồng/m^3 x 1,475 = 113.575 đồng/m^3 đối với đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường;

- $G_2 = G_{tn} \times K_{qđ}$ = 2.400.000 đồng/m^3 x 1,0 = 2.400.000 đồng/m^3 đối với đá khối để xẻ;

- $G_3 = G_{tn} \times K_{qđ}$ = 49.000 đồng/m^3 x 1,29 = 63.210 đồng/m^3 đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình.

3. Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

$Q = Q_1 + Q_2 + Q_3$, trong đó:

- Q_1 = 1.611.184 m^3 là trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường;

- Q_2 = 16.275 m^3 là trữ lượng đá khối để xẻ ;

- Q_3 = 54.249 m^3 là trữ lượng đất san lấp.

4. Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: K_1 = 0,9.

5. Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: K_2 = 1,0.

6. Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- R_1 = 3% [Các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại (trừ nguyên liệu sản xuất cát nghiền)];

- R_2 = 1% (đá khối làm ốp lát các loại).

7. Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$T = (Q_1 \times G_1 \times K_1 \times K_2 \times R_1) + (Q_2 \times G_2 \times K_1 \times K_2 \times R_2) + (Q_3 \times G_3 \times K_1 \times K_2 \times R_1)$ = (1.611.184 m^3 x 113.575 đồng/m^3 x 0,9 x 1,0 x 3%) + (16.275 m^3 x 2.400.000 đồng/m^3 x 0,9 x 1,0 x 1%) + (54.249 m^3 x 63.210 đồng/m^3 x 0,9 x 1,0 x 3%) = 5.384.861.156 đồng *(Năm tỷ, ba trăm tám mươi tư triệu, tám trăm sáu mươi mốt nghìn, một trăm năm mươi sáu đồng).*

8. Số năm khai thác là: X = 28 năm 5 tháng.

9. Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: X/2 = 14 lần (làm tròn).

10. Số tiền nộp lần đầu (năm 2023): $T_{lđ} = T : (X : 2) \times 30\%$.

$T_{lđ}$ = 5.384.861.156 đồng : 14 x 30% = 115.389.882 đồng *(Một trăm mười lăm triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi hai đồng).*

11. Số tiền nộp lần thứ 02 đến lần thứ 14 (từ năm 2024 đến năm 2036):

$T_{hn} = (T - T_{lđ}) : (14 - 1)$ = (5.384.861.156 đồng - 115.389.882 đồng) : (14 - 1) = 405.343.944 đồng *(Bốn trăm linh năm triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, chín trăm bốn mươi tư đồng).*

12. Khu vực mỏ thuộc địa bàn xã Hà Tân, huyện Hà Trung.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

- Tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) đối với Hợp tác xã Công nghiệp Đông Đình.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Hợp tác xã Công nghiệp Đông Đình về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Hợp tác xã Công nghiệp Đông Đình:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Sau khi kết thúc thời gian khai thác, nộp hồ sơ, sổ sách, chứng từ, tài liệu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế tại mỏ trên về Sở Tài nguyên và Môi trường; nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phát sinh (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung; Chủ tịch UBND xã Hà Tân, huyện Hà Trung; Giám đốc Hợp tác xã Công nghiệp Đông Đình; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC VN50787.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi